

BÁO CÁO THẨM TRA

Dự thảo nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách tổ chức thẩm tra dự thảo nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, kết quả thẩm tra như sau:

1. Sự phù hợp với quy định của pháp luật

Khoản 1, Điều 19, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là *Quyết định số 02*) quy định trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “ *Căn cứ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, bố trí vốn đối ứng, lồng ghép các nguồn lực khác, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương để thực hiện Chương trình và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định*”.

Do vậy, việc HĐND tỉnh xem xét, ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là phù hợp và cần thiết.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

Hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được UBND tỉnh xây dựng đảm bảo đúng quy trình, được các ngành, các địa phương tham gia góp ý kiến, phản biện, thẩm định. Cơ quan soạn thảo đã có báo cáo tiếp thu, giải trình; UBND tỉnh có thuyết minh đầy đủ.

Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết gồm: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; nguyên tắc phân bổ vốn; quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn; tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương; tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN cho 07 dự án¹, 07 tiểu dự án thành phần và điều khoản thi hành.

¹ Cụ thể: (1) Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo; (2) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; (3) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng¹; (4)

3. Ý kiến thẩm tra của Ban

Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc phân bổ vốn, quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn, tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương và cách xác định định mức tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN cho 07 dự án và 07 tiểu dự án thành phần: Xây dựng đảm bảo thống nhất với các quy định tại Quyết định số 02 và có điều chỉnh số liệu về quy mô dân số, tổng số, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, số đơn vị hành chính... để phù hợp với thực tiễn địa phương. Có 8/11 nội dung² của Chương trình có tỷ lệ % phân bổ vốn ngân sách nhà nước giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương bằng tỷ lệ % phân bổ vốn ngân sách trung ương của các dự án, tiểu dự án giữa các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố tại Quyết định số 02; có một số nội dung có sự thay đổi so với Quyết định số 02, như: Tiểu dự án 01 và Tiêu chí số 03 của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 đã được UBND tỉnh nêu lý do tại báo cáo thuyết minh gửi kèm Tờ trình.

Do đó, Ban cơ bản thống nhất với các nội dung UBND tỉnh đề xuất đồng thời có một số ý kiến như sau:

- Đề nghị UBND tỉnh bổ sung báo cáo làm rõ cơ sở quy định tỷ lệ (%) phân bổ vốn ngân sách nhà nước của các dự án, tiểu dự án giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thành phố bằng tỷ lệ (%) phân bổ vốn ngân sách trung ương giữa các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố để đảm bảo phù hợp, tương quan giữa nhiệm vụ thực hiện CTMQG Giảm nghèo của các cơ quan Trung ương và các sở, ban, ngành tại địa phương.

- Ban đề nghị Bổ sung một số nội dung vào Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết nhằm đảm bảo đúng thời gian, thống nhất trách nhiệm trong quá trình triển khai thực hiện chương trình:

+ Bổ sung khoản 6 Điều 3 Chương I. Nguyên tắc phân bổ vốn, như sau: “6. Việc lập, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hằng năm của các sở, ban, ngành và các cấp tại địa phương được thực hiện cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành”.

+ Bổ sung khoản 3 Điều 13 Chương III Điều khoản thi hành, nội dung: “3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển và sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thuộc Chương trình”.

(Có dự thảo nghị quyết kèm theo)

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; (5) Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo; (6) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; (7) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

² Gồm các nội dung: Dự án 2; Tiểu dự án 2 thuộc dự án 3; việc phân bổ vốn sự nghiệp của tiểu dự án 1 thuộc dự án 4; tiểu dự án 2 thuộc dự án 4; tiểu dự án 3 thuộc dự án 4; tiểu dự án 1 thuộc dự án 6; tiểu dự án 2 thuộc dự án 6; dự án 7.

- Trên cơ sở kế hoạch số vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của tỉnh (tại Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 21/3/2022) và tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN thực hiện Chương trình tại dự thảo nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung số kinh phí dự kiến thực hiện các dự án, tiểu dự án của CTMTQG Giảm nghèo năm 2022 phân bổ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thành phố, làm cơ sở cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thông qua Nghị quyết.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Các vị đại biểu dự kỳ họp;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: HS, VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Trịnh Tiến Dũng

Số: /2022/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2022

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày.....tháng.....năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ tám thông qua ngày tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ; VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành); HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) là căn cứ để lập kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí sự nghiệp trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố và các đơn vị có quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các cấp.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và phân bổ cụ thể ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Việc lập, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hằng năm của các sở, ban, ngành và các cấp tại địa phương được thực hiện cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh tại Niên giám thống kê năm 2020 và các ấn phẩm thống kê theo quy định.

2. Số hộ, số hộ nghèo, số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu tại Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao; đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùngbãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 và các Quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Hằng năm, ngân sách địa phương (nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh) bố trí đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (cả vốn đầu tư và vốn sự nghiệp).

Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện phân bổ theo tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, tiểu dự án; ưu tiên thực hiện đối ứng các dự án, tiểu dự án theo tỷ lệ quy định của các Bộ, ngành Trung ương (nếu có).

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước của Dự án cho các huyện nghèo.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn đối với huyện nghèo

a) Tiêu chí 1: Quy mô dân số của huyện

Quy mô dân số	Hệ số
Dưới 10.000 hộ	0,15
Từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,17

b) Tiêu chí 2: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 45%	0,3
Từ 45% đến dưới 50%	0,33
Từ 50% đến dưới 55%	0,37
Từ 55% đến dưới 60%	0,41
Từ 60% đến dưới 65%	0,46
Từ 65% trở lên	0,5

c) Tiêu chí 3: Đặc điểm địa lý của huyện nghèo

Đặc điểm địa lý của huyện nghèo	Hệ số
Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện:

Đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Từ 10 xã đến dưới 20 xã	0,12

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

a) Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước phân bổ cho từng huyện nghèo được tính theo công thức: $A_i = Q.X_i$

Trong đó:

A_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương đối ứng) phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1.

b) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng địa phương.

Điều 7. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 15% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 85% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

c) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Từ 16 xã trở lên	1,3

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i , được tính theo công thức: $Y_i = HN_i \times 2,5 + ĐV_i$

HN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Dự án 2.

Điều 8. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Phân bổ cho các địa phương: Thực hiện phân bổ vốn theo dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0

Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

- Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi

Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng của trẻ em dưới 5 tuổi	Hệ số
Trên 20%	1,6
Từ 15% đến 20%	1,4
Từ 10% đến dưới 15%	1,2
Dưới 10%	1,0

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng trẻ em dưới 5 tuổi của địa phương thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i , được tính theo công thức: $Y_i = HN_i \times 3 + ĐV_i$

HN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3.

Điều 9. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ vốn theo danh mục đầu tư xây dựng công trình cụ thể, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Đối với vốn sự nghiệp

- Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

(Đối với Trường Cao đẳng Bắc Kạn tính điểm theo tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của tỉnh)

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

(Đối với Trường Cao đẳng Bắc Kạn tính điểm theo tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo bình quân của tỉnh)

- Tiêu chí 3: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập	Hệ số
Mỗi một trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1
Mỗi một trường cao đẳng	0,3

- Tiêu chí 4: Số lượng tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương, đơn vị báo cáo và được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp.

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho đơn vị:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng đơn vị được tính theo công thức:

$$I_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

I_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho đơn vị thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị thứ i , được tính theo công thức:

$$X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i)$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của đơn vị thứ i .

TR_i là hệ số tiêu chí cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của đơn vị thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của đơn vị thứ i .

Q là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các đơn vị để hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4.

- Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

• Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

• Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6

Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

- Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương báo cáo và được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp.

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$K_i = Q \cdot X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị thứ i, được tính theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + HN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i.

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i.

HN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i.

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của địa phương thứ i.

Q là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 18% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 82% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của địa phương

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện	Hệ số
Dưới 20.000 người	1,0
Từ 20.000 người đến dưới 30.000 người	1,3
Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người	1,6
Từ 40.000 người trở lên	1,9

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4.

Điều 10. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

1. Vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước phân bổ để thực hiện Dự án 5 căn cứ theo cơ sở kế hoạch vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm và nhu cầu thực tế của các địa phương, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

2. Định mức hỗ trợ: Nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương; vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện theo tỷ lệ quy định (nếu có) và nhu cầu thực tế.

Điều 11. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án (gọi là D); phần ngân sách còn lại ($100\% - 30\% - D$) thực hiện phân bổ cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7

Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i , được tính theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$

HN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Phân bổ tối đa 35% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 65% cho các địa phương.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

- Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

- Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

- Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

- Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i , được tính theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$

HN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 6.

Điều 12. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Phân bổ ngân sách nhà nước của Dự án: Phân bổ tối đa 25% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 75% cho các địa phương.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 20%	0,4
Từ 20% đến dưới 30%	0,5
Từ 30% đến dưới 40%	0,6
Từ 40% đến dưới 50%	0,7
Từ 50% đến dưới 60%	0,8
Từ 60% trở lên	0,9

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,4
Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,5
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,6
Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ	0,7
Từ 5.000 hộ trở lên	0,8

c) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
------------------------------------	--------------

Dưới 11 xã	1,0
Từ 11 xã đến 15 xã	1,15
Từ 16 xã trở lên	1,3

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng địa phương được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho địa phương thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của địa phương thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i , được tính theo công thức: $Y_i = HN_i + ĐV_i$

HN_i là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo) của địa phương thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương thứ i .

Q là vốn bình quân của một huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho các địa phương để thực hiện Dự án 7.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện nguyên tắc, tiêu chí và định mức nêu trên.

1. Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phân bổ vốn nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn trung hạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo thực hiện đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức của Nghị quyết này. Phương án phân bổ vốn kế hoạch vốn hàng năm căn cứ theo nhu cầu thực tế của tỉnh và số kế hoạch vốn giao của Trung ương, đảm bảo tổng kế hoạch vốn hàng năm của các đơn vị, địa phương bằng số kế hoạch vốn trung hạn theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển và sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thuộc Chương trình./.

